

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HUNG YÊN**

Bản án số: 78/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2025

V/v: Tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Luân.

2. Bà Trần Thị Nôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị X, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Thôn S, xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X: Bà Trần Thị D – Luật sư – Công ty Luật TNHH MTV T. Địa chỉ: Số 66, đường Kỳ Đồng, thôn T, xã Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Ông Vũ Đức O, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Thôn S, xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi V T - Chức vụ: Chủ tịch.

- Ông Lương Viết S, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm 4, xã X, tỉnh Ninh Bình.
Chỗ ở: Thôn V, xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Đoàn Thị Hồng W, sinh năm 1995. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên. Chỗ ở: Thôn V, xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Bùi Văn Z, sinh năm 1972.

- Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1974.

Đều nơi cư trú: thôn V, xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên.

(Có mặt bà X, bà Dung, ông O, anh S;

Vắng mặt đại diện UBND xã, chị W, ông Z, bà A)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình và lời khai tại phiên toà nguyên đơn bà Đặng Thị X trình bày: Bà và ông Vũ Đức O là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2024, quan hệ tài sản chung bà và ông Vũ Đức O không đề nghị giải quyết, tuy nhiên sau đó bà và ông O không tự thỏa thuận phân chia được với nhau về tài sản chung. Bà X xác định trong thời kỳ hôn nhân bà và ông O đã tạo dựng được khối tài sản chung gồm có: 01 thửa đất số 249, tờ bản đồ số 9, diện tích 254 m² (trong đó có 200 m² đất thổ cư và 54 m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất đã được UBND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DP 567399 số vào sổ cấp GCN: CH 01521 ngày 27/12/2024. Trên thửa đất có các tài sản như trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản gồm: 01 nhà mái bằng hai tầng, 01 nhà công trình phụ; các công trình tường bao xung quanh thửa đất, sân bê tông, bể nước ăn, 01 cây mít, 01 cây roi, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Bà đề nghị Tòa án chia cho bà một phần thửa đất giáp với phần đất gia đình nhà ông Đinh Khắc Hình, còn các tài sản khác giao cho ông Vũ Đức O sử dụng và ông O phải thanh toán phần giá trị chênh lệch cho bà, bể nước mưa chia cho bà thì bà sẽ tự nguyện tháo dỡ. Về chi phí tố tụng bà tự nguyện chịu cả cho ông O.

+ Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Vũ Đức O trình bày: Trong thời gian chung sống ông và bà Đặng Thị X có tài sản chung là 01 thửa đất số 249, tờ bản đồ số 9, diện tích 254 m² (trong đó có 200 m² đất thổ cư và 54 m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất đã được UBND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DP 567399 số vào sổ cấp GCN: CH 01521 ngày 27/12/2024. Trên thửa đất có các tài sản như trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản gồm: 01 nhà mái bằng hai tầng, 01 nhà công trình phụ; các công trình tường bao xung quanh thửa đất, sân bê tông, bể nước ăn, 01 cây mít và 01 cây roi, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Nay bà X đề nghị Tòa án chia cho bà một phần thửa đất giáp với phần đất gia đình nhà ông Đinh Khắc Hình, còn giá trị các tài sản khác giao cho ông sử dụng và ông phải thanh toán phần chênh lệch cho bà Đặng Thị X thì ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý chia cho bà X một phần thửa đất trên về phía nhà ông Đinh Khắc Hình chiều rộng tính từ phía nhà ông Đinh Khắc Hình kéo về đến nhà chính, cách mép ban công tầng 2 nhà chính khoảng 10 cm. Chiều dài chạy từ mặt đường vào đến hết đất, diện tích được bao nhiêu thì là của bà X. Trên đất có những tài sản, cây cối gì thì bà X được quyền sử dụng. Khi chia như vậy thì sẽ chạy vào bể nước thì ông nhận bể nước và ông tự nguyện tháo dỡ bể nước để trả lại phần đất bà X được chia. Nếu bà X nhận bể nước thì ông cũng đồng ý và bà X phải có trách nhiệm di chuyển bể nước về phần đất của bà X được chia.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2025 và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Viết S trình bày: Vào năm 2022 anh và vợ là chị Đoàn Thị Hồng W có mua thửa đất số 844, tờ bản đồ số 23, diện tích 104.4 m² tại thôn Đình, xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là thôn Đình, xã Diên Hà,

tỉnh Hưng Yên). Sau đó vợ chồng anh đã đi làm thủ tục sang tên, đổi chủ và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 719234 mang tên vợ chồng anh. Đến tháng 3 năm 2025 vợ chồng anh đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông Bùi Văn Z, bà Đỗ Thị A là người ở cùng thôn, hai bên đã làm thủ tục mua bán nhưng chưa xong thủ tục sang tên. Thửa đất vợ chồng anh đã bán cho vợ chồng ông Z, bà A nên anh không có ý kiến gì, do vợ anh bận công việc nên đã ủy quyền cho anh tham gia phiên tòa, lời trình bày trên của anh cũng là lời trình bày của vợ anh chị W.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2025 ông Bùi Viết Z và bà Đỗ Thị A trình bày: Vào tháng 3 năm 2025 vợ chồng ông có mua của anh S, chị W thửa đất số 844, tờ bản đồ số 23, diện tích 104.4 m² tại thôn Đình, xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là thôn Đình, xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 719234. Hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng đã công chứng, chứng thực nhưng chưa đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông đã được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật quan điểm của vợ chồng ông là đất chưa sang tên cho vợ chồng ông nên chờ vào tên bìa đất thì ông và vợ ông mới có ý kiến. Ông Z, bà A sau đó không ký biên bản. Tại biên bản W giải ngày 25/9/2025 ông Z trình bày: Ông và bà Đỗ Thị A là vợ chồng, vợ chồng ông có mua một thửa đất số 844, tờ bản đồ số 23, diện tích 104,4 m², loại đất ONT tại thôn Đình, xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên đã được sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 04/4/2022 hiện tại thửa đất vẫn mang tên ông Lương Viết S và bà Đoàn Thị Hồng W. Vợ chồng ông đang làm thủ tục sang tên. Ông được tòa án đưa ông và vợ vào tham gia tố tụng với lý do một phần tường của gia đình ông O, bà X có xây lên phần đất ông mua đã được cấp giấy chứng nhận. Ông và ông O, bà X tự giải quyết với nhau ông không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

+ Tại biên bản xác minh ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở UBND xã Quang Trung (nay là xã Diên Hà) có một phần nội dung: Thửa đất số 249, tờ bản đồ số 9, thôn Đình, xã Dân Chủ (nay là xã Quang Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DP 567399 ngày 27/12/2024 diện tích 254 m² (trong đó có 200 m² đất thổ cư và 54 m² đất trồng cây lâu năm) thì không xác định được vị trí đâu là đất ở, đâu là đất trồng cây lâu năm. Tại công văn số 127 ngày 19 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Diên Hà có nội dung: Về phần diện tích đất mà hộ gia đình bà Đặng Thị X, ông Vũ Đức O sử dụng thuộc quyền quản lý của UBND xã Diên Hà. UBND xã Diên Hà không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, UBND xã Diên Hà sẽ giải quyết về phần diện tích đất do UBND xã Diên Hà quản lý với người sử dụng đất theo quy định của pháp luật (theo đo đạc hiện trạng thì diện tích đất là 11.4m²).

+ Kết quả định giá tài sản ngày 19/5/2025 xác định: Thửa đất số 249, tờ bản đồ số 9, thôn Đình, xã Dân Chủ (nay là xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DP 567399 ngày 27/12/2024 diện tích 254 m² (trong đó có 200 m² đất thổ cư và 54 m² đất trồng cây lâu năm) có giá trị là 5.500.000

đồng/1m² đất ở x 200 m² = 1.100.000.000 đồng và 54.000 đồng /1 m² đất trồng cây lâu năm khác x 54 m² = 2.916.000 đồng; nhà chính 2 tầng (xây năm 2006, cải tạo năm 2011) giá trị còn lại là 131.333.027 đồng; gian nhà phụ xây năm 2019 giá trị còn lại là 99.584.038 đồng; các công trình bên ngoài ngôi nhà (năm xây dựng theo từng hạng mục) giá trị còn lại là 19.474.368 đồng; cây mít 1.000.000 đồng; cây roi 650.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.354.957.433 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Hưng Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, bà X, ông O và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Diên Hà, anh Tân, chị W, ông Z, bà A đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn của bà Đặng Thị X, chia cho ông O được quyền sử dụng phần đất có ngôi nhà và các công trình phụ, chia cho bà X phần đất còn lại, ông O phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà X; về chi phí tố tụng bà X tự nguyện chịu cả tiền chi phí tố tụng nên cần chấp nhận; về án phí bà X và ông O là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị X khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn với ông Vũ Đức O, ông Vũ Đức O hiện đang cư trú tại thôn Đình, xã Quang Trung, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên), do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Hưng Yên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện UBND xã xin vắng mặt, chị W ủy quyền cho anh S, ông Z, bà A vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do, nên căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về tài sản chung: Đối với nguồn gốc thửa đất số 249, tờ bản đồ số 9, diện tích 254 m² (trong đó có 200 m² đất thổ cư và 54 m² đất trồng cây lâu năm), thửa đất đã được UBND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DP 567399 số vào sổ cấp GCN: CH 01521 ngày 27/12/2024 và không Z hiện rõ vị trí đâu là đất ở, đâu là đất trồng cây lâu năm khác. Đối với các tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái bằng hai tầng, 01 nhà công trình phụ; các công trình tường bao xung quanh thửa đất, sân bê tông, bể nước ăn, 01 cây mít, 01 cây roi. Giá trị các tài sản trên theo

định giá là 1.354.957. 433 đồng. Bà X, ông O đều xác nhận đây là tài sản chung, bà X đề nghị Tòa án chia cho bà phần đất giáp gia đình ông Hình còn nhà và các công trình phụ giao cho ông O và ông O phải thanh toán giá trị chênh lệch về tài sản cho bà; còn ông O đề nghị Tòa án chia cho ông phần diện tích đất có ngôi nhà và các công trình khác trên phần đất ông được chia và ông không phải thanh toán phần chênh lệch tài sản cho bà X vì điều kiện kinh tế của ông khó khăn hơn. HĐXX xét thấy đây là tài sản chung, công sức của các bên là ngang nhau nên cần chia mỗi người được hưởng 50% giá trị. Do thửa đất có các công trình được xây kiên cố nên không Z chia đều cho các bên, do đó bên được chia nhiều hơn phải thanh toán phần giá trị chênh lệch cho bên được chia ít hơn. Trong quá trình giải quyết bà X đồng ý nA lại cho ông O được sử dụng ngôi nhà và các công khác trên đất và phù hợp với nguyện vọng của ông O do vậy có căn cứ chấp nhận việc chia cho bà X phần diện tích đất giáp phía nhà ông Đình Khắc Hình và chia cho ông O phần diện tích đất có ngôi nhà và các công trên đất là phù hợp. Cụ Z:

[3.1] Chia cho bà Đặng Thị X phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường giao thông dài 5.50 mét (được ký hiệu từ điểm 1 đến điểm 2).
- Phía Nam giáp đất nông nghiệp dài 5.52 mét (được ký hiệu từ điểm 7 đến điểm 8).
- Phía Đông giáp đất ông Vũ Đức O được chia dài 18.41 mét (được ký hiệu từ điểm 2 đến điểm 7).
- Phía Tây giáp đất gia đình ông Đình Khắc Hình dài 18.09 mét + 0.75 mét (được ký hiệu từ điểm 1 đến điểm 9 - điểm 8).

Tổng diện tích đất được chia là 102.4 m² (trong đó có 100 m² đất thổ cư và 2.4 m² đất trồng cây lâu năm) = 550.129.600 đồng. Trên diện tích đất bà X được chia có các tài sản gồm: một chuồng chăn nuôi không đã cũ nát không còn giá trị, các đương sự đều không yêu cầu định giá, tường bao phía trước nhà dài 14,5 mét = 183.957 đồng, cổng sắt = 1.995.840 đồng, sân bê tông = 827.296 đồng, bể nước mưa = 334.075 đồng (một phần nằm trên phần diện tích đất chia cho ông O, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bà X phải tháo dỡ hoặc di dời để trả lại phần đất chia cho ông O), một phần tường và cổng phía giáp đường giao thông dài 5.50 mét (nằm trên đất hành lang giao thông) = 4.342.875 đồng, 01 cây mít = 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà X được chia là 558.813.643 đồng.

[3.2] Chia cho ông Vũ Đức O phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường giao thông dài 8.43 mét (được ký hiệu từ điểm 2 đến điểm 3).
- Phía Nam giáp đất nông nghiệp + đất gia đình anh Lương Văn S, chị Đoàn Thị Hồng W dài 7.47 mét + 0.91 mét (được ký hiệu từ điểm 7 đến điểm 6 - điểm 5).
- Phía Đông giáp đất hành lang giao thông + đất gia đình anh Lương Văn S, chị Đoàn Thị Hồng W dài 2.68 mét + 15.07 mét (được ký hiệu từ điểm 3 đến điểm 4 – điểm 5).
- Phía Tây giáp đất gia đình bà Đặng Thị X được chia dài 18.41 mét (được ký hiệu từ điểm 2 đến điểm 7).

Tổng diện tích đất được chia là 151.6 m² (trong đó có 100 m² đất thổ cư và 51.6 m² đất trồng cây lâu năm) = 552.786.400 đồng. Trên diện tích đất ông O được chia có các tài sản gồm: Nhà mái bằng 2 tầng = 131.333.027 đồng, nhà phụ = 99.584.038 đồng, tường bao phía sau nhà = 244.863 đồng, một phần tường phía giáp đường giao thông dài 8.75 mét (nằm trên đất hành lang giao thông) = 6.909.117 đồng, mái tôn tá vì kèo thép phía sau = 4.636.345 đồng, 01 cây roi = 650.000 đồng (trong đó có một phần công trình là tường bao phía Đông và phần tường của công trình phụ nằm lên một phần diện tích là 1.6 m² của thửa đất số 844). Tổng giá trị tài sản ông O được chia là 796.143.790 đồng. Việc ông O được chia có giá trị lớn hơn do đó buộc ông O phải thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho bà Thừa là (796.143.790 đồng - 558.813.643 đồng) : 2 = 118.665.073,5 đồng (làm tròn là 118.665.000 đồng).

[4] Đối với tài sản ông O được chia thì có một phần công trình là tường bao phía Đông và phần tường của công trình phụ nằm lên một phần diện tích là 1.6 m² của thửa đất số 844, tờ bản đồ số 23, diện tích 104.4 m² tại thôn Đình, xã Dân Chủ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là thôn Đình, xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh S, chị W hiện anh S, chị W đã chuyển nhượng cho ông Z, bà A. Ông Z, bà A và ông O, bà X không đề nghị giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu xảy ra tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Đối với phần công trình bà X được chia là phần tường và cổng dài 5.50 mét nằm trên đất lưu không và phần công trình ông O được chia là phần tường dài 8.75 mét nằm trên phần đất lưu không của đường do UBND xã quản lý. UBND xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên không đề nghị giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà X tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng là 5.700.000 đồng (bà X đã nộp đủ) nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà X, ông O là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí chia tài sản sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[9] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Hưng Yên về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 219 Bộ luật Dân sự; Điều 29, Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 59, Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị X về việc yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn giữa bà Đặng Thị X và ông Vũ Đức O.

Xử:

1. Giao cho bà Đặng Thị X sở hữu, sử dụng phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường giao thông dài 5.50 mét (được ký hiệu từ điểm 1 đến điểm 2).
- Phía Nam giáp đất nông nghiệp dài 5.52 mét (được ký hiệu từ điểm 7 đến điểm 8).
- Phía Đông giáp đất ông Vũ Đức O được chia dài 18.41 mét (được ký hiệu từ điểm 2 đến điểm 7).
- Phía Tây giáp đất gia đình ông Đinh Khắc Hình dài 18.09 mét + 0.75 mét (được ký hiệu từ điểm 1 đến điểm 9 - điểm 8).

(Thửa đất bà X được chia ở trên tại địa chỉ thôn Đình, xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên có sơ đồ kèm theo).

Tổng diện tích đất được chia là 102.4 m² (trong đó có 100 m² đất thổ cư và 2.4 m² đất trồng cây lâu năm). Trên diện tích đất bà X được chia có các tài sản gồm: một chuồng chăn nuôi không đã cũ nát không còn giá trị, tường bao phía trước nhà dài 14,5 mét, cổng sắt, sân bê tông, bể nước mưa (một phần bể nước mưa nằm trên phần diện tích đất chia cho ông O, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bà X phải tháo dỡ hoặc di dời để trả lại phần đất chia cho ông O), một phần tường và cổng phía giáp đường giao thông dài 5.50 mét (nằm trên phần đất hành lang giao thông là 3.7 m²), 01 cây mít.

2. Giao cho ông Vũ Đức O sở hữu, sử dụng phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường giao thông dài 8.43 mét (được ký hiệu từ điểm 2 đến điểm 3).
- Phía Nam giáp đất nông nghiệp + đất gia đình anh Lương Văn S, chị Đoàn Thị Hồng W dài 7.47 mét + 0.91 mét (được ký hiệu từ điểm 7 đến điểm 6 - điểm 5).
- Phía Đông giáp đất hành lang giao thông + đất gia đình anh Lương Văn S, chị Đoàn Thị Hồng W dài 2.68 mét + 15.07 mét (được ký hiệu từ điểm 3 đến điểm 4 - điểm 5).
- Phía Tây giáp đất gia đình bà Đặng Thị X được chia dài 18.41 mét (được ký hiệu từ điểm 2 đến điểm 7).

(Thửa đất ông O được chia ở trên tại địa chỉ thôn Đình, xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên có sơ đồ kèm theo).

Tổng diện tích đất được chia là 151.6 m² (trong đó có 100 m² đất thổ cư và 51.6 m² đất trồng cây lâu năm). Trên diện tích đất ông O được chia có các tài sản gồm: Nhà mái bằng 2 tầng, nhà phụ, tường bao phía sau nhà, một phần tường phía giáp đường giao thông dài 8.75 mét (nằm trên phần đất hành lang giao thông là 7.7 m²), mái tôn tA vì kèo thép phía sau, 01 cây roi (trong đó có một phần công trình là tường bao phía Đông và phần tường của công trình phụ nằm lên một phần diện tích là 1.6 m² của thửa đất số 844).

Bà Đặng Thị X và ông Vũ Đức O có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến tài sản được giao sở hữu, sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Ông Vũ Đức O có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị chênh lệch về tài sản cho bà Đặng Thị X với số tiền là 118.665.073,5 đồng (làm tròn là 118.665.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thanh toán xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về tiền chi phí tố tụng: Bà Đặng Thị X tự nguyện chịu cả nên Toà án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đặng Thị X và ông Vũ Đức O được miễn nộp tiền án phí chia tài sản.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị X, ông Vũ Đức O, anh Lương Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Diên Hà, chị W, ông Z, bà A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quốc Khánh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Khu vực 8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Diên Hà, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: HS-HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quốc Khánh

